

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIẤY VIỆT TRÌ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 31

M.S.C.A.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Giấy Việt Trì theo Quyết định số 1700/QĐ-BCN ngày 16/05/2007 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1803000719 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 23/09/2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ 04 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 04 ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Đường Sông Thao, phường Bến Gót, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại : 02103.862.761
- Fax : 02103.862.754

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy các loại;
- Kinh doanh vật tư, hóa chất ngành giấy, kinh doanh vận tải.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hiến	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Phạm Ngọc Cường	Thành viên	Ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Đặng Văn Sơn	Thành viên	Ngày 28 tháng 03 năm 2018
Bà Lê Thị Minh Loan	Thành viên	Ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	Ngày 28 tháng 03 năm 2018

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Trung Thành	Trưởng ban	Ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Hoàng Văn Nam	Thành viên	Ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Nguyễn Quốc Đông	Thành viên	Ngày 01 tháng 04 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 28 tháng 03 năm 2018
Ông Phạm Ngọc Cường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 28 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Hiện - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Văn Hiện

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0240 /22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2022



Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2963-2020-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		627.154.754.151	554.893.945.059
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	63.294.025.580	57.940.958.149
1. Tiền	111		63.294.025.580	57.940.958.149
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		288.183.291.521	287.031.202.242
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	261.631.587.759	229.729.107.930
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	34.370.688.658	67.733.437.878
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	8.123.272.569	4.761.170.616
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(15.942.257.465)	(15.192.514.182)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		275.677.437.050	204.516.635.541
1. Hàng tồn kho	141	V.7	275.677.437.050	204.516.635.541
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	5.405.149.127
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	5.405.149.127
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		402.345.813.321	189.306.870.679
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.098.446.614	717.218.972
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.098.446.614	717.218.972
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		381.000.657.864	86.736.337.375
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	366.815.560.036	78.478.321.242
<i>Nguyên giá</i>	222		975.224.604.851	748.263.603.710
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(608.409.044.815)	(669.785.282.468)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	14.185.097.828	8.258.016.133
<i>Nguyên giá</i>	225		15.432.770.910	11.727.952.727
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.247.673.082)	(3.469.936.594)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		78.000.000	78.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(78.000.000)	(78.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.630.460.090	96.404.450.696
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	5.630.460.090	96.404.450.696
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.000.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	4.000.000.000	4.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.616.248.753	1.448.863.636
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	10.616.248.753	1.448.863.636
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.029.500.567.472	744.200.815.738

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		559.936.924.830	435.084.336.524
I. Nợ ngắn hạn	310		442.207.801.809	398.409.126.649
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	188.466.574.682	81.902.718.813
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.184.674.585	381.364.605
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	37.130.638.519	13.797.786.195
4. Phải trả người lao động	314		34.946.559.298	29.053.350.814
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.809.766.880	1.960.700.573
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		811.806.890	758.127.570
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	173.535.242.745	268.078.177.839
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	3.322.538.210	2.476.900.240
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		117.729.123.021	36.675.209.875
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	117.729.123.021	36.675.209.875
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		469.563.642.642	309.116.479.214
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	469.563.642.642	309.116.479.214
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		116.051.000.000	116.051.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		116.051.000.000	116.051.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		114.191.745.672	49.658.745.672
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		239.320.896.970	143.406.733.542
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.104.883.542	143.406.733.542
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		203.216.013.428	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.029.500.567.472	744.200.815.738

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Phạm Đức Hòa

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Loan

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Văn Hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.990.299.152.352	1.362.585.349.281
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.021.929.450	606.911.103
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.989.277.222.902	1.361.978.438.178
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.649.492.212.668	1.108.133.116.589
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		339.785.010.234	253.845.321.589
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.302.345.108	1.262.047.328
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	21.841.329.925	20.066.363.098
Trong đó: chi phí lãi vay	23		20.762.154.746	19.477.398.207
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	33.991.316.135	27.296.297.647
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	33.099.964.633	28.368.764.380
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		253.154.744.650	179.375.943.792
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.544.432.823	1.179.703.882
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.531.628.022	1.277.970.747
13. Lợi nhuận khác	40		1.012.804.801	(98.266.865)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		254.167.549.451	179.277.676.927
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	50.951.536.023	35.870.943.385
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>203.216.013.428</u>	<u>143.406.733.542</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>17.248</u>	<u>12.172</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>17.248</u>	<u>12.172</u>

Người lập biểu

Phạm Đức Hòa

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Loan

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Văn Hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		254.167.549.451	179.277.676.927
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	44.988.378.628	24.774.780.749
- Các khoản dự phòng	03	V.6	749.743.283	730.369.100
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	743.594.156	(31.025.946)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(961.176.220)	(318.656.905)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	20.762.154.746	19.477.398.207
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		320.450.244.044	223.910.542.132
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.967.088.923	(96.115.057.419)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(71.160.801.509)	(15.005.037.531)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		119.020.305.202	(3.315.205.347)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.167.385.117)	(708.493.647)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(20.762.154.746)	(19.477.398.207)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(35.912.336.645)	(25.921.851.283)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(1.305.362.030)	(2.160.556.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		304.129.598.122	61.206.942.698
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(253.549.991.528)	(52.208.906.369)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	19.675.709.088	13.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	(4.000.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		316.060.268	97.767.123
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(233.558.222.172)	(56.097.502.882)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15	1.513.277.605.967	1.203.896.966.575		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(1.530.840.891.915)	(1.217.476.892.704)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.15b	(7.037.136.000)	(3.032.400.000)		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17	(40.617.850.000)			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(65.218.271.948)	(16.612.326.129)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.353.104.002	(11.502.886.313)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	57.940.958.149	69.443.844.462		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(36.571)		-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	63.294.025.580	57.940.958.149		

Người lập biểu

Phạm Đức Hòa

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Loan

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Văn Hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giấy Việt Trì (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh sản phẩm giấy các loại;
- Kinh doanh vật tư, hóa chất ngành giấy, kinh doanh vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, Công ty đã hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng dự án đầu tư thay thế, nâng công suất dây chuyền sản xuất giấy lên 100.000 tấn/năm. Tổng tài sản hình thành từ dự án là 292.004.673.604 VND.

6. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 472 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 468 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí hệ thống. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Chi phí hệ thống

Chi phí hệ thống đo định lượng độ ẩm giấy (máy xeo 4200/450) QCS, hệ thống điều khiển thu hồi nước ngưng (máy xeo 4200/450) và hệ thống đo màu và gia màu giấy (máy xeo 4200/450) SPC 100 được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05



CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	04
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	110.197.124	38.709.844
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	63.183.828.456	57.902.248.305
Cộng	63.294.025.580	57.940.958.149

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, phát hành ngày 30 tháng 7 năm 2020, kỳ hạn 8 năm, lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu + biên độ 0,9%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ mỗi năm một lần vào ngày 30 tháng 7.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Minh Thanh	6.249.215.626	5.076.240.601
Công ty TNHH Đức Trung	14.315.750.535	4.222.647.704
Công ty TNHH Hoa Việt	9.354.597.560	8.087.778.226
Công ty Cổ phần Giấy và Bao bì Phú An	11.590.636.064	5.420.432.363
Công ty TNHH Hòa Bình	11.422.701.209	11.422.701.209
Công ty TNHH Thương mại Mạnh Hùng	7.276.946.462	11.973.890.147
Công ty TNHH Tân Thành Đồng	6.929.753.585	6.364.375.511
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tổng hợp Hưng Thành	31.937.981.852	31.647.954.571
Các khách hàng khác	162.554.004.866	145.513.087.598
Cộng	261.631.587.759	229.729.107.930

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Shandong Chenzhong Machinery Co.,Ltd	4.883.746.680	13.129.342.957
Shichuan Chengfa Paper Machinery Co.,Ltd	2.819.682.000	12.015.151.400
Công ty TNHH Vật tư Thiết bị Tuấn Long	-	10.509.305.000
ChoYang Industry Co.,Ltd	-	10.082.832.321
Công ty Cổ phần Đầu tư Phương Thành	7.903.667.200	-
Công ty TNHH Chính sách và Phát triển Môi trường 79	7.768.789.685	-
Các nhà cung cấp khác	10.994.803.093	21.996.806.200
Cộng	34.370.688.658	67.733.437.878

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ (*)	6.632.820.535	-	3.311.186.751	-
Tạm ứng	231.428.455	-	344.081.398	-
Phải thu Bảo hiểm y tế	1.759.826	-	4.765.026	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi trái phiếu	115.000.000	-	118.066.667	-
Thuế thu nhập cá nhân	836.722.585	-	731.229.990	-
Thuế giá trị gia tăng tài sản thuế tài chính	305.541.168	-	251.840.784	-
Cộng	8.123.272.569	-	4.761.170.616	-

(*) Bao gồm:

- Hợp đồng tiền gửi số 242/2019/28640 ngày 13/12/2019 do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương phát hành, số tiền gốc ban đầu là 1.722.000.000 VND, lãi nhập gốc năm 2020 và 2021 lần lượt là 89.186.751 VND và 67.633.784 VND, thời hạn 6 tháng, tự động gia hạn với kỳ hạn mới bằng kỳ hạn ban đầu, được sử dụng để làm biện pháp bảo đảm cho việc Ngân hàng phát hành bảo lãnh thanh toán hợp đồng mua bán điện cho mục đích sản xuất của Công ty. Ngày 14 tháng 5 năm 2021, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương phát hành bảo lãnh thanh toán số 0242BG1900176 bản sửa đổi số 1 về việc thay đổi số tiền bảo lãnh gốc từ 1.722.000.000 VND thành 4.976.000.000 VND.
- Hợp đồng cầm cố tài khoản số 14/CCTK/251 ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ, số tiền 1.500.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại cùng Ngân hàng.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	406.000.000	-	335.000.000	-
Thuế giá trị gia tăng tài sản thuế tài chính	692.446.614	-	382.218.972	-
Cộng	1.098.446.614	-	717.218.972	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng		Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty TNHH Hòa Bình	> 3 năm	11.422.701.209	(11.422.701.209)		> 3 năm	11.422.701.209	(11.422.701.209)	
HTX Minh Khai	> 3 năm	1.884.579.239	(1.884.579.239)		> 3 năm	1.884.579.239	(1.884.579.239)	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6 tháng	-	-		6 tháng	1.529.565.547	(458.869.664)	
	- 1 năm	-	-		- 1 năm	-	-	
	1 - 2 năm	1.651.924.550	(825.962.275)		1 - 2 năm	845.394.451	(422.697.226)	
	2 - 3 năm	-	-		2 - 3 năm	57.209.360	(40.046.552)	
	> 3 năm	1.809.014.742	(1.809.014.742)		> 3 năm	963.620.292	(963.620.292)	
Cộng		16.768.219.740	(15.942.257.465)			16.703.070.098	(15.192.514.182)	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	15.192.514.182	14.462.145.082
Trích lập dự phòng bổ sung	778.347.963	730.369.100
Hoàn nhập dự phòng	(28.604.680)	-
Số cuối năm	15.942.257.465	15.192.514.182

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	263.027.496.350	-	193.519.789.124	-
Công cụ, dụng cụ	13.728.097	-	39.283.583	-
Thành phẩm	11.629.031.941	-	10.585.755.875	-
Hàng gửi đi bán	1.007.180.662	-	371.806.959	-
Cộng	275.677.437.050	-	204.516.635.541	-

Toàn bộ số dư hàng tồn kho cuối năm được làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay.

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.382.462.922	1.112.500.000
Chi phí đánh giá tác động môi trường	-	245.454.545
Chi phí xây dựng cơ bản	-	90.909.091
Chi phí các hệ thống QCS, SPC và nước ngưng	2.811.524.080	-
Chi phí sửa chữa sân bê tông	2.009.109.559	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.413.152.192	-
Cộng	10.616.248.753	1.448.863.636

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	96.179.906.344	634.120.856.780	17.632.875.033	329.965.553	748.263.603.710
Mua trong năm	647.318.065	28.871.214.726	3.528.000.000	-	33.046.532.791
Đầu tư XDCB hoàn thành ^(*)	68.158.219.286	244.273.449.266	-	-	312.431.668.552
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	5.143.052.727	4.072.220.000	-	9.215.272.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(110.572.211.713)	(4.866.655.988)	-	(115.438.867.701)
Dỡ bỏ TSCĐ hết khấu hao	(12.293.605.228)	-	-	-	(12.293.605.228)
Số cuối năm	152.691.838.467	801.836.361.786	20.366.439.045	329.965.553	975.224.604.851
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	49.985.885.580	479.086.416.101	9.446.946.318	329.965.553	538.849.213.552
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	74.089.989.855	579.851.007.582	15.514.319.478	329.965.553	669.785.282.468
Khấu hao trong năm	7.773.714.586	33.496.676.431	1.146.775.743	-	42.417.166.760
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	2.675.183.709	2.118.291.671	-	4.793.475.380
Thanh lý, nhượng bán	-	(91.426.618.577)	(4.866.655.988)	-	(96.293.274.565)
Dỡ bỏ TSCĐ hết khấu hao	(12.293.605.228)	-	-	-	(12.293.605.228)
Số cuối năm	69.570.099.213	524.596.249.145	13.912.730.904	329.965.553	608.409.044.815
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	22.089.916.489	54.269.849.198	2.118.555.555	-	78.478.321.242
Số cuối năm	83.121.739.254	277.240.112.641	6.453.708.141	-	366.815.560.036
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 41.422.660.327 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

- (*) Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được hình thành từ dự án Đầu tư thay thế, nâng công suất dây chuyền sản xuất giấy được ghi theo giá trị quyết toán ước tính là 292.004.673.604 VND. Giá trị này có thể thay đổi khi quyết toán dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.136.352.727	6.591.600.000	11.727.952.727
Thuê tài chính trong năm	-	12.908.290.910	12.908.290.910
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(5.136.352.727)	(4.067.120.000)	(9.203.472.727)
Số cuối năm	-	15.432.770.910	15.432.770.910
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.819.124.925	1.650.811.669	3.469.936.594
Khấu hao trong năm	856.058.784	1.715.153.084	2.571.211.868
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(2.675.183.709)	(2.118.291.671)	(4.793.475.380)
Số cuối năm	-	1.247.673.082	1.247.673.082
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.317.227.802	4.940.788.331	8.258.016.133
Số cuối năm	-	14.185.097.828	14.185.097.828

11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính đã hết khấu hao.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	96.404.450.696	220.491.658.737	(312.431.668.552)	4.464.440.881
Dự án đầu tư thay thế, nâng công suất dây chuyền sản xuất giấy(*)	92.458.819.838	199.545.853.766	(292.004.673.604)	-
Công trình nồi hơi số 1	484.493.470	14.022.768.429	(14.507.261.899)	-
Công trình nhà kho 2400m ²	961.498.510	3.125.133.695	(4.086.632.205)	-
Công trình môi trường năm 2020	2.499.638.878	-	-	2.499.638.878
Công trình nhà kho thành phẩm 78 x 54	-	1.964.802.003	-	1.964.802.003
Các công trình khác	-	1.833.100.844	(1.833.100.844)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.166.019.209	-	1.166.019.209
Cộng	96.404.450.696	221.657.677.946	(312.431.668.552)	5.630.460.090

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 6.130.630.099 VND (năm trước là 196.879.353 VND).

- (*) Ngày 01 tháng 9 năm 2021 Công ty đã quyết toán dự án hoàn thành và nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất giấy mới công suất 100.000 tấn/năm. Tổng tài sản cố định hữu hình được hình thành từ dự án tạm ghi nhận là 292.004.673.604 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Thành Long	-	28.425.001.550
America Chung Nam LLC	22.936.001.007	-
Newport CH International LLC	39.850.445.991	-
SH Recycling Co., Ltd	21.357.445.459	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	104.322.682.225	53.477.717.263
Cộng	188.466.574.682	81.902.718.813

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	11.997.193.391	(3.932.074.480)	8.065.118.911
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	73.052.628.187	(73.052.628.187)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	75.147.182	(75.147.182)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.970.943.385	51.032.929.283	(35.912.336.645)	28.091.536.023
Thuế thu nhập cá nhân	804.795.990	3.258.460.968	(3.089.273.373)	973.983.585
Thuế nhà đất	22.046.820	1.952.348.020	(1.974.394.840)	-
Thuế nhà thầu	-	412.628.063	(412.628.063)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	87.612.060	(87.612.060)	-
Cộng	13.797.786.195	141.868.947.154	(118.536.094.830)	37.130.638.519

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	254.167.549.451	179.277.676.927
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	590.130.665	77.040.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	590.130.665	77.040.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	254.757.680.116	179.354.716.927
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	50.951.536.023	35.870.943.385
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	81.393.260	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	51.032.929.283	35.870.943.385

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho khu đất đang sử dụng tại trụ sở hoạt động theo thông báo của cơ quan thuế.

Theo Quyết định số 5236/QĐ-CTPTH của Cục thuế tỉnh Phú Thọ ngày 15 tháng 12 năm 2021, Công ty được giảm 30% tiền thuê đất, số tiền 846.120.600 VND theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2021 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Vay và nợ thuê tài chính

15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	16.889.846.845	146.697.338.839
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương ⁽ⁱ⁾	12.281.208.988	50.205.715.021
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Việt Trì ⁽ⁱⁱ⁾	4.508.637.857	64.351.184.779
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	29.154.802.331
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ ^(iv)	100.000.000	2.985.636.708
Vay ngắn hạn các cá nhân ^(v)	125.783.203.900	112.987.639.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	27.400.000.000	5.560.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b)	3.462.192.000	2.833.200.000
Cộng	173.535.242.745	268.078.177.839

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các loại giấy. Tổng mức dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 120 tỷ đồng và số dư L/C đã phát hành tại mọi thời điểm không vượt quá 150 tỷ đồng. Lãi suất vay là 5,60%/năm. Thời hạn vay đến hết 16/08/2022. Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp nhà xưởng, máy móc thiết bị và quyền đòi nợ.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Việt Trì để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm giấy, 2 mức giá trị hạn mức tín dụng lần lượt là 90 tỷ và 180 tỷ đồng. Lãi suất cho vay theo văn bản nhận nợ từng thời kỳ, tối thiểu 5,5%/năm. Thời hạn vay đến hết ngày 05/08/2022. Tài sản đảm bảo khoản vay là Bất động sản đủ điều kiện theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ, tiền tiết kiệm, giấy tờ có giá; 9 xe ô tô, hệ thống máy xeo giấy; Hệ thống điều khiển Automax và tối thiểu 50% giá trị hàng tồn kho tại mọi thời điểm.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng 80 tỷ đồng. Lãi suất vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng theo từng thời kỳ, từ 6,20% - 7,00%/năm. Thời hạn vay đến hết ngày 31/08/2022. Tài sản đảm bảo khoản vay là nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc thiết bị.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng 14,44 tỷ đồng. Lãi suất 5,70%/năm. Tài sản cầm cố là số dư tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng giá trị 1,5 tỷ đồng của Công ty tại cùng ngân hàng (xem thuyết minh V.5).

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (v) Khoản vay tín chấp của các cá nhân là nhân viên trong Công ty, mục đích vay bổ sung vốn sản xuất kinh doanh, thời hạn vay từ 01 tới 12 tháng. Lãi suất vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 là 5,60%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	146.697.338.839	112.987.639.000	5.560.000.000	2.833.200.000	268.078.177.839
Số tiền vay phát sinh trong năm	1.299.002.291.921	109.266.672.900	-	-	1.408.268.964.821
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	27.400.000.000	3.462.192.000	30.862.192.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.428.809.783.915)	(96.471.108.000)	(5.560.000.000)	(2.833.200.000)	(1.533.674.091.915)
Số cuối năm	16.889.846.845	125.783.203.900	27.400.000.000	3.462.192.000	173.535.242.745

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương ⁽ⁱ⁾	109.303.533.021	31.694.891.875
Nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	8.425.590.000	4.980.318.000
Cộng	117.729.123.021	36.675.209.875

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án "Đầu tư thay thế, nâng công suất dây chuyền sản xuất giấy bao bì". Tổng số tiền cho vay là 150 tỷ VND, thời hạn vay 78 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (20/11/2020), thời gian ân hạn 18 tháng. Lãi suất cho vay là 9,00%/năm. Tài sản thế chấp là hệ thống máy xeo giấy, dây chuyền sản xuất bột giấy, hệ thống tiếp cận và toàn bộ phụ trợ kèm theo.
- (ii) Khoản thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, với giá trị tài sản cho thuê lần lượt là 10.123.820.000 VND và 2.684.480.000 VND (cả VAT). Lãi suất cho thuê tài chính áp dụng trong 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên lần lượt là 9,00%/năm và 8,50%/năm. Thời hạn cho thuê 48 tháng kể từ thời điểm nhận nợ (22/6/2020).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Số cuối năm			
Vay dài hạn ngân hàng	136.703.533.021	27.400.000.000	109.303.533.021
Nợ thuê tài chính	11.887.782.000	3.462.192.000	8.425.590.000
Cộng	148.591.315.021	30.862.192.000	117.729.123.021
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	37.254.891.875	5.560.000.000	31.694.891.875
Nợ thuê tài chính	7.813.518.000	2.833.200.000	4.980.318.000
Cộng	45.068.409.875	8.393.200.000	36.675.209.875

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngắn hàng	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	31.694.891.875	4.980.318.000	36.675.209.875
Số tiền vay phát sinh trong năm	105.008.641.146	11.381.400.000	116.390.041.146
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(4.203.936.000)	(4.203.936.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(27.400.000.000)	(3.462.192.000)	(30.862.192.000)
Ký cược trừ vào gốc dài hạn	-	(270.000.000)	(270.000.000)
Cộng	109.303.533.021	8.425.590.000	117.729.123.021

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.886.538.210	1.434.000.000	(715.000.000)	2.605.538.210
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	590.362.030	717.000.000	(590.362.030)	717.000.000
Cộng	2.476.900.240	2.151.000.000	(1.305.362.030)	3.322.538.210

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	73.450.000.000	20.888.745.672	71.961.362.030	166.300.107.702
Trả cổ tức bằng cổ phiếu ^(*)	42.601.000.000	-	(42.601.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	143.406.733.542	143.401.209.328
Trích lập các quỹ	-	28.770.000.000	(29.360.362.030)	(590.362.030)
Số dư cuối năm trước	116.051.000.000	49.658.745.672	143.406.733.542	309.116.479.214
Số dư đầu năm nay	116.051.000.000	49.658.745.672	143.406.733.542	309.116.479.214
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	203.216.013.428	203.216.013.428
Trích lập các quỹ	-	64.533.000.000	(66.684.000.000)	(2.151.000.000)
Chi trả cổ tức	-	-	(40.617.850.000)	(40.617.850.000)
Số dư cuối năm nay	116.051.000.000	114.191.745.672	239.320.896.970	469.563.642.642

17b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	11.605.100	11.605.100
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	11.605.100	11.605.100
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	11.605.100	11.605.100

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23 tháng 4 năm 2021 như sau:

	VND
• Chia cổ tức năm 2020	40.617.850.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển (45% lợi nhuận sau thuế)	64.533.000.000
• Trích quỹ khen thưởng (1% lợi nhuận sau thuế)	1.434.000.000
• Thường ban quản lý điều hành (0,5% lợi nhuận sau thuế)	717.000.000

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 512,74 USD (số đầu năm là 566,68 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	4.728.893.664	20.638.716.318
Doanh thu bán thành phẩm	1.985.570.258.688	1.341.946.632.963
Cộng	1.990.299.152.352	1.362.585.349.281

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	1.016.466.710	543.339.203
Giảm giá hàng bán	5.462.740	63.571.900
Cộng	1.021.929.450	606.911.103

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.757.489.641	20.601.896.885
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.644.734.723.027	1.087.531.219.704
Cộng	1.649.492.212.668	1.108.133.116.589

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	90.968.530	95.393.420
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	158.126.935	186.953.874
Lãi trái phiếu	272.933.333	118.066.667
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.780.316.310	830.607.421
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	31.025.946
Cộng	2.302.345.108	1.262.047.328

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	20.762.154.746	19.477.398.207
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	335.581.022	588.964.891
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	743.594.156	-
Cộng	<u>21.841.329.925</u>	<u>20.066.363.098</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.775.756.100	2.071.129.800
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.453.990.528	5.643.337.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	492.525.303	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.269.513.343	18.267.531.828
<i>Chi phí vận chuyển</i>	23.269.513.343	18.222.077.283
<i>Chi phí quảng cáo</i>	-	45.454.545
Các chi phí khác	999.530.861	1.314.298.044
Cộng	<u>33.991.316.135</u>	<u>27.296.297.647</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	14.701.704.504	13.528.018.525
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.846.250.026	515.788.256
Chi phí khấu hao tài sản cố định	420.746.667	210.373.334
Thuế, phí và lệ phí	1.977.394.840	2.823.345.280
Chi phí dự phòng	749.743.283	730.369.100
Các chi phí khác	13.404.125.313	10.560.869.885
Cộng	<u>33.099.964.633</u>	<u>28.368.764.380</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	530.115.952	13.636.364
<i>Thu từ thanh lý</i>	19.675.709.088	13.636.364
<i>Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý</i>	(19.145.593.136)	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	3.000.000	77.478.628
Tiền điện, nước kinh doanh	632.378.968	1.075.408.728
Thu nhập khác	1.378.937.903	13.180.162
Cộng	<u>2.544.432.823</u>	<u>1.179.703.882</u>

9. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thiệt hại hàng tồn kho do hỏa hoạn	-	86.419.693
Thuế nhà thầu	412.628.063	217.888.688
Phạt do vi phạm hành chính	350.371.826	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	85.014.375	-
Tiền điện, nước kinh doanh	518.852.910	968.759.219
Chi phí khác	164.760.848	4.903.147
Cộng	<u>1.531.628.022</u>	<u>1.277.970.747</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	203.216.013.428	143.406.733.542
- Thưởng ban quản lý điều hành	(1.016.080.067)	(717.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.032.160.134)	(1.434.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	200.167.773.226	141.255.733.542
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.605.100	11.605.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>17.248</u>	<u>12.172</u>

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích thưởng ban quản lý điều hành và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 12.357 VND xuống còn 12.172 VND.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay được ước tính bằng cách trừ số trích thưởng ban quản lý điều hành và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ lần lượt là 0,5% và 1% lợi nhuận sau thuế khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.385.537.878.062	850.493.550.739
Chi phí nhân công	96.782.368.650	64.583.210.569
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.988.378.628	24.774.780.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.614.377.092	179.402.656.823
Chi phí khác	34.703.767.070	23.942.082.851
Cộng	<u>1.717.626.769.502</u>	<u>1.143.196.281.731</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Giao dịch thuê tài chính

Trong năm, Công ty đã mua 5 xe ô tô sát xi tải Hino trị giá 14.180.700.000 VND thông qua nghiệp vụ thuê mua tài chính từ Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
Hội đồng quản trị					
Ông Nguyễn Văn Hiện	Chủ tịch	571.388.000	187.147.200	108.000.000	866.535.200
Ông Phạm Ngọc Cường	Thành viên /Phó Tổng Giám đốc	447.623.000	143.975.100	84.000.000	675.598.100
Ông Đặng Văn Sơn	Thành viên /Phó Tổng Giám đốc	477.868.500	144.275.100	84.000.000	706.143.600
Bà Lê Thị Minh Loan	Thành viên /Kế toán trưởng	450.848.900	150.660.200	84.000.000	685.509.100
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	391.468.500	117.151.200	84.000.000	592.619.700
Ban Kiểm soát					
Ông Lê Trung Thành	Trưởng ban	330.795.700	123.288.200	84.000.000	538.083.900
Ông Hoàng Văn Nam	Thành viên	290.851.600	122.885.600	60.000.000	473.737.200
Ông Nguyễn Quốc Đông	Thành viên	375.256.200	138.184.400	60.000.000	573.440.600
Cộng		3.336.100.400	1.127.567.000	648.000.000	5.111.667.400
Năm trước					
Hội đồng quản trị					
Ông Nguyễn Văn Hiện	Chủ tịch	504.446.700	52.074.400	108.000.000	664.521.100
Ông Phạm Ngọc Cường	Thành viên /Phó Tổng Giám đốc	408.573.100	44.263.200	84.000.000	536.836.300
Ông Đặng Văn Sơn	Thành viên /Phó Tổng Giám đốc	438.812.700	44.263.200	84.000.000	567.075.900
Bà Lê Thị Minh Loan	Thành viên /Kế toán trưởng	436.238.300	39.055.800	84.000.000	559.294.100
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	317.252.300	34.004.900	84.000.000	435.257.200
Ban Kiểm soát					
Ông Lê Trung Thành	Trưởng ban	310.275.100	31.244.600	84.000.000	425.519.700
Ông Hoàng Văn Nam	Thành viên	270.889.600	31.389.100	60.000.000	362.278.700
Ông Nguyễn Quốc Đông	Thành viên	328.444.600	34.004.900	60.000.000	422.449.500
Cộng		3.014.932.400	310.300.100	648.000.000	3.973.232.500

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Công ty không có các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, kinh doanh sản phẩm giấy các loại và trong một khu vực địa lý là miền Bắc. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY VIỆT TRÌ

Địa chỉ: Đường Sông Thao, Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

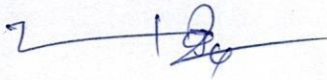
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Phạm Đức Hòa

Kế toán trưởng



Lê Thị Minh Loan

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Văn Hiện

